TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1039/2025/DS-ST
Ngày: 30/9/2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Minh

2. Bà Dương Triều Xuân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa*: Bà Dương Thị Thanh Nhàn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 343/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2025 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 471/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 422/2025/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Tài Chính TNHH Một thành viên M
Mã số doanh nghiệp: 0311132506
Địa chỉ trụ sở chính: 91 Pasteur, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh
Đại diện theo uỷ quyền: Bà Lâm Thị Thùy D, sinh năm 2000; địa chỉ: Phòng số 401, tầng 4, Tòa nhà số 793/49/1 đường T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy uỷ quyền ngày 17/4/2025) (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Bà Lai Thụy Mộng T, sinh ngày 15/3/1978 (vắng mặt)
Thường trú: 325/23 đường B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 28/02/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty Tài Chính TNHH Một thành viên M có đại diện theo ủy quyền bà Lâm Thị Thùy D trình bày:

Ngày 12/5/2023, Công ty Tài Chính TNHH Một thành viên M (sau đây gọi tắt là Công ty Tài chính M) ký Hợp đồng tín dụng số 4540540 về việc cấp tín dụng

cho bà Lai Thụy Mộng T với khoản vay trị giá 22.509.300 đồng (gồm 20.900.000 đồng giải ngân qua số tài khoản cá nhân của bà T là 0101075279 mở tại Ngân hàng TMCP Đông Á và 1.609.300 đồng tiền bảo hiểm khoản vay), lãi suất 50%/năm. Sau khi ký kết, Công ty Tài chính M đã giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng, bà T có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng với số tiền 1.874.986 đồng trong kỳ hạn 30 tháng kể từ ngày 05/6/2023 đến ngày 05/11/2025.

Kể từ ngày được giải ngân, bà T đã thanh toán 3.397.104 đồng, trong đó: gốc là 0 đồng; tiền lãi là 3.361.104 đồng; phí thu hộ là 36.000 đồng. Tuy nhiên, từ ngày 08/8/2023, bà T đã không thanh toán đầy đủ theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía Công ty Tài chính M đã giải ngân.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do đó, Công ty Tài chính M khởi kiện yêu cầu bà T phải trả tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/9/2025 là 51.204.202 đồng, trong đó: nợ gốc là 22.509.300 đồng; lãi trong hạn là 17.992.862 đồng; lãi quá hạn là 8.396.099 đồng; lãi chậm trả lãi là 2.305.941 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 01/10/2025 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

***** Trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt cho bà Lai Thụy Mộng T các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà T không đến làm việc và hòa giải nên không ghi nhận được ý kiến của bà T. Ngày 13/8/2025, Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được do bị đơn là bà Lai Thụy Mộng T vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ, đồng thời đại diện nguyên đơn là bà Lâm Thị Thùy D có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

* Tại phiên tòa:

Chủ tọa phiên tòa công bố: Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do.

Chủ tọa công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng ngày 12/5/2023, các bên thoả thuận địa chỉ của bị đơn tại 325/23 đường B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao; Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại tòa án và Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Xét người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu đương sự:

[2.1] Về số tiền vay:

Căn cứ vào lời khai nguyên đơn phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có cơ sở xác định:

Ngày 12/5/2023, Công ty Tài chính M cấp tín dụng cho bà Lai Thụy Mộng T bằng Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng. Công ty Tài chính M đã thực hiện giải ngân cho bà T theo đúng quy định trong Hợp đồng. Bà T đã thanh toán được 3.397.104 đồng, trong đó: gốc là 0 đồng; tiền lãi là 3.361.104 đồng; phí thu hộ là 36.000 đồng. Do đó, tạm tính đến ngày 30/9/2025, bà T còn nợ Công ty Tài chính M số tiền là 51.204.202 đồng, trong đó: nợ gốc là 22.509.300 đồng; lãi trong hạn là 17.992.862 đồng; lãi quá hạn là 8.396.099 đồng; lãi chậm trả lãi là 2.305.941 đồng.

Xét, quá trình thụ lý giải quyết vụ án để làm rõ số tiền hiện bị đơn còn nợ và số tiền đã thanh toán, Toà án đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến Toà để trình bày ý kiến của mình nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Do đó, việc nguyên đơn tự nguyện khai báo về số tiền mà bị đơn đã thanh toán cũng như số tiền hiện còn nợ là có cơ sở, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ và quy định tại Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[2.2] Về lãi suất:

Xét thấy, tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 12/5/2023 giữa Công ty Tài chính M với bà T có thỏa thuận lãi suất cho vay là phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên được Hội đồng xét xử

chấp nhận. Ngoài ra, bà T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ.

[2.3] Về thời hạn thanh toán:

Do bị đơn vi phạm thời hạn thanh toán theo như thoả thuận trong hợp đồng làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền còn nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại tòa án;

Căn cứ Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài Chính TNHH Một thành viên M.

Buộc bà Lai Thụy Mộng T phải thanh toán cho Công ty Tài Chính TNHH Một thành viên M tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/9/2025 là: 51.204.202 (năm mươi mốt triệu, hai trăm linh bốn nghìn, hai trăm linh hai) đồng, trong đó: nợ gốc là 22.509.300 đồng; lãi trong hạn là 17.992.862 đồng; lãi quá hạn là 8.396.099 đồng; lãi chậm trả lãi là 2.305.941 đồng theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 12/5/2023. Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lai Thụy Mộng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.560.210 (hai triệu, năm trăm sáu mươi nghìn, hai trăm mười) đồng và nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn lại cho Công ty Tài Chính TNHH Một thành viên M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 834.731 (tám trăm ba mươi bốn nghìn, bảy trăm ba mươi mốt) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0068662 ngày 09/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyền kháng cáo:

Công ty Tài Chính TNHH Một thành viên M và bà Lai Thụy Mộng T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

5. Về thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND KV 10 – TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Thúy Hằng